

Bản án số: 82/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2021

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **VTH** - Sinh năm: 1970

ĐKKHKT: Thôn L, xã P, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Xóm M, xã Đ, huyện Nga Sơn, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh **MVB** - Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh MVB, chị VTH vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2021, bản tự khai ngày 23/01/2021, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị VTH trình bày: Chị và anh MVB tự nguyện kết hôn, sống chung với nhau được 20 năm, đến ngày 19/11/2008 mới

đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Từ sau khi kết hôn đến nay vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh MVB có tính ghen gió, nghi ngờ chị có người đàn ông khác, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn tin tưởng nhau. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, anh MVB thường xuyên chửi bới đánh đập chị, đuổi chị và các con ra khỏi nhà. Xác định không thể tiếp tục chung sống nên khoảng tháng 11/2019 chị cùng 03 con nhỏ bỏ về bên ngoại ở xã Đ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị VTH xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh MVB.

Về con chung: Chị VTH khai vợ chồng có 03 con chung là các cháu MTQ, sinh ngày 26/02/2003, MTU, sinh ngày 25/8/2004 và MTN, sinh ngày 10/02/2011. Hiện nay các cháu vẫn đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị VTH đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cả ba cháu, chị không yêu cầu anh MVB phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị VTH không có tranh chấp gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị VTH xác định vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/02/2021, biên bản hòa giải ngày 05/3/2021 và quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn là anh MVB trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị VTH tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Yên Định vào ngày 19/11/2008, trước đó đã sống chung với nhau như vợ chồng và đã sinh con. Vợ chồng ở với nhau được 20 năm, trong thời gian chung sống vợ chồng anh cũng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, sau đó tự hòa giải được, cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh nóng tính, muốn áp đặt vợ con vào khuôn khổ gia đình nhưng chị VTH phản kháng dẫn đến vợ chồng bất hòa. Sau đó, vợ chồng anh bàn bạc thống nhất cho chị VTH đi xuất khẩu lao động, còn mình anh ở nhà nuôi con. Chị VTH đi xuất khẩu lao động được 01 năm rồi trở về và đổi thay tính nết, không cùng anh trang trải nợ nần mà đã đem các con về bên ngoại sinh sống từ cuối năm 2019 đến nay không quan tâm gì đến anh.

Nay chị VTH làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng, muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh MVB xác định vợ chồng có 03 con chung là MTQ, sinh ngày 26/02/2003, MTU, sinh ngày 25/8/2004 và MTN, sinh ngày 10/02/2011. Từ

năm 2019 đến nay các cháu vẫn đang do chị VTH nuôi dưỡng. Nay anh MVB muốn xin được đoàn tụ nên anh không có quan điểm gì về vấn đề con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh MVB xác định tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị VTH được ly hôn anh MVB.

- Về con chung: Đề nghị giao các cháu MTQ, sinh ngày 26/02/2003, MTU, sinh ngày 25/8/2004 và MTN, sinh ngày 10/02/2011 chị VTH trực tiếp nuôi dưỡng. Chị VTH không yêu cầu anh MVB cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh MVB là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện Yên Định, nên việc Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự, nhưng chị VTH đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh MVB vắng mặt lần 2 không có lý do, nên áp dụng Điều 228 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị VTH và anh MVB được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Từ sau khi đăng ký kết hôn năm 2008 đến nay vợ chồng sống không hạnh phúc,

phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Bản thân anh MVB không tự kiểm chế, thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ con. Xác định không thể tiếp tục chung sống nên từ năm 2019 chị VTH cùng các con đã về nhà mẹ đẻ của chị tại xã Đ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, học tập. Cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án anh MVB muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn được tình cảm vợ chồng, hiện nay chị VTH vẫn tha thiết yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh MVB.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị VTH và anh MVB đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị VTH được ly hôn anh MVB.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị VTH và anh MVB có 03 con chung là các cháu MTQ, sinh ngày 26/02/2003, MTU, sinh ngày 25/8/2004 và MTN, sinh ngày 10/02/2011. Hội đồng xét xử nhận định: Từ năm 2019 đến nay các cháu đều do chị VTH trực tiếp nuôi dưỡng, không cần sự hỗ trợ, quan tâm về tài chính từ anh MVB. Bản thân các cháu hiện nay đều đang sinh sống và học tập tại các cấp phổ thông của huyện Nga Sơn, nơi chị VTH sinh sống. Các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị VTH, giao cả 3 cháu cho chị VTH trực tiếp nuôi dưỡng. Chị VTH không yêu cầu anh MVB cấp dưỡng, bản thân chị VTH đang đi làm và có thu nhập, đủ khả năng nuôi dưỡng các cháu. Nên không buộc anh MVB phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị VTH và anh MVB đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị VTH phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị VTH được ly hôn anh MVB.

2. Về con chung: Giao các cháu MTQ, sinh ngày 26/02/2003, MTU, sinh ngày 25/8/2004 và MTN, sinh ngày 10/02/2011 cho chị VTH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh MVB không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh MVB có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị VTH phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2019/0005355 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (*Chị VTH đã nộp đủ án phí*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng